TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/HNST.
Ngày: 16/4/2024.
V/v tranh chấp:“ Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Việt Chương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Quách Trung Sơn**.

2. Ông **Tống Văn Tư**.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Trường An** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Ngày 16/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 783/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2023 về việc “ Ly hôn và nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2024, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn*: Anh **Võ Văn D**, sinh năm 1969. Nơi cư trú: ấp X, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

2- *Bị đơn*: Chị **Đinh Thị M**, sinh năm 1970. Nơi cư trú: ấp X, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Võ Văn D trình bày:

Anh Võ Văn D với chị Đinh Thị M xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1990 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh D và chị M chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị M ghen tuông, thường xuyên chửi và xúc phạm danh dự, uy tín của anh dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài đến tháng 9/2023 thì trở nên trầm trọng và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay.

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 02 con chung là cháu Võ Thị Ngọc H sinh ngày 15/9/1992 và cháu Võ Tấn Đ sinh ngày 22/01/2002, các cháu đã trưởng thành.

Tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Nay anh D khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh D yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với chị M.

- Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung : tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Đinh Thị M vắng mặt nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 19/01/2024 chị trình bày: Chị với anh D xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1990 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị và anh D chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D có quan hệ với người phụ nữ khác nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài đến tháng 9/2023 thì trở nên trầm trọng và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay.

Về con chung: vợ chồng chung sống có 02 con chung đã trưởng thành, tài sản chung và nợ chung như anh D trình bày là đúng.

Nay về quan hệ hôn nhân chị không đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh D.

Con chung đã trưởng thành.

Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

[1]- Về thủ tục tố tụng:

1.1- Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn D yêu cầu ly hôn với chị Đinh Thị M nên xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào địa chỉ sinh sống của chị Đinh Thị M ở ấp X, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ tranh chấp được xác định là " Ly hôn " theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

1.2- Chị Đinh Thị M đã được tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng chị vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị M.

[2]- Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Văn D với chị Đinh Thị M xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1990 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh D và chị M chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh D trình bày là do chị M ghen tuông, thường xuyên chửi và xúc phạm danh dự, uy tín của anh dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Chị M xác định là do anh D có quan hệ với người phụ nữ khác nên dẫn

đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau mâu thuẫn kéo dài đến tháng 9/2023 thì trở nên trầm trọng và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay.

Anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ và yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với chị M nhưng phía chị M không đồng ý. Theo qui định của luật Hôn nhân và gia đình nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ như chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nên quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị M không được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh D.

[3]- Về con chung: Anh D và chị M trình bày các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]- Tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nợ chung: Không có.

[5]- Về án phí : Anh Võ Văn D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 28 , khoản 1 điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình;
-Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1- Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Võ Văn D với chị Đinh Thị M.

2- Con chung: Đã trưởng thành.

3- Tài sản chung: tự thỏa thuận; nợ chung: không có.

4- Án phí: Anh Võ Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 0014777 ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên thi hành xong phần án phí.

5- Anh Võ Văn D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Chị Đinh Thị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Việt Chương